

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Giải tích cổ điển

Mã: M01

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	9	3	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	4	v 4.5	2 5
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	6.5	7	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7	7	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	5.5	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8	5	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6.5	2.5 4.5	4 6
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	9	5.5	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	9	7.5	8
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8.5	5.5	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	9	5	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	7	8	8
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	9.5	4.5	7
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	5.5	6
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	8.5	4	6
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	6	6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8	5.5	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	9	5.5	7
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	7.5	3.5	5
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	10	5	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	6	6.5	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	1.5 7.5	4 8
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	8.5	3.5	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	7.5	2 4	4 6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8.5	3.5	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	6	3.5	5
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8	1 2	4 5
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	10	3.5	6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	10	5.5	7
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8.5	4	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	9	5	7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	7	5.5	6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	9.5	5	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	9.5	5	7
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	8	5.5	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	9	5	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	1 1.5	3 4
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	8.5	3.5	6
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	6	4	5
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	9.5	6	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7	4.5	6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	9.5	3.5	6
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	5	1.5 4.5	3 5
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	10	6	8
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6.5	4	5
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	9	1.5	5

Môn: Giải tích cổ điển

Mã: M01

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	7.5	4	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	5	6.5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	7.5	4	6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	5	4	5
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	6	5.5	6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	6.5	3.5	5
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	9	5.5	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6	3	5
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	2.5	5
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	6	4	5
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	5.5	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	10	7.5	9
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	10	7.5	6	7
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	7.5	7	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	8.5	1.5 4	4 6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	9.5	2	5
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	6	8.5	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6.5	5	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	6.5	6	7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	8.5	7.5	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9	7.5	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	2.5	5
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	9.5	4	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	7	3.5	5
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	6	2 2	4 4
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	9	7	8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	6	7.5	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7.5	4.5	6
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	5.5	7.5	7
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	9	4	6
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	9	7.5	8
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	6	5	6
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8.5	0.5 1.5	4 4
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	4.5	8	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Hàm biến phức

Mã: M02

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	7	7	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	8	7	8
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8	7	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	8	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	7	8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	6	7	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	7	7	7
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7	6	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	6	7	7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8	7	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	6	7	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	7	6	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	7	7	7
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	6	7	7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	9	7	8
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	7	7	7
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	6	7	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	6	7	7
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	7	6	7
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	7	7	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	7	7	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	7	7	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	8	6	7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	7	7	7
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8	7	8
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	7	7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7	6	7
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	6	7	7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	7	7	7
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8	6	7
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	7	7	7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	7	7	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	8	7	8
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	8	6	7
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	8	7	8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	7	7	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	7	7	7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7	6	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	8	7	8
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	7	7	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7	7	7
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	7	6	7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	7	7	7
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	7	7	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	8	7	8
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	7	6	7

Môn: Hàm biến phức

Mã: M02

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	7	KL 3	3 5
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8	7	8
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	7	6	7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	7	7	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	7	8
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	7	7	7
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	7	6	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	8	7	8
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	7	8	8
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	7	7	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	6	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	7	7	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	10	8	6	7
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8	6	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	8	7	8
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	7	6	7
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8	KL 5	3 6
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	8	7	8
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	7	7	7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	8	6	7
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	7	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	7	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	7	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	8	6	7
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	8	7	8
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	7	7	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	7	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7	8	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8	7	8
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	8	7	8
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	7	7	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	8	8	8
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	7	7	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	7	8

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Phương trình vi phân - tích phân**

Mã: **M03**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	8	4	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	2HL	Hủy	2
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	6.5	5	6
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	6	7	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8.5	5	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	10	7	8
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	5	3	4
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	5.5	4	5
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	5	4	5
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	9.5	8	9
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	8.5	7	8
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	10	6	8
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	10	4	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	9	5	7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	9	7	8
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	9.5	1	4
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8	6	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	10	9	9
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	4	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	10	7	8
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	7.5	5	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	7.5	7	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	7.5	5	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	7.5	5	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	7	5	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	10	4	6
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7.5	1	4
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	10	2	5
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8.5	8	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	7	5	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	9.5	8	9
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10	8.5	6	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	8.5	8	8
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	5	3	4
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	7	8	8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8.5	6	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	10	5	7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7	7	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	10	6	8
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	9	7	8
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	10	1	5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	9	7	8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	8	6	7
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	10	7	8
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	8	5	6
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	9	5	7

Môn: Phương trình vi phân - tích phân

Mã: M03

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	10	3	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	5	2	4
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	6	1	3
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	6.5	4	5
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	10	1	5
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	4.5	1	3
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	9	2	5
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	9.5	2	5
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	10	4	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	10	7	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	4	6
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	10	7	8
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	0	1.5HL		0
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	10	6	8
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	10	5	7
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	9.5	7	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	4	5	5
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	9.5	2	5
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	8	3	5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	10	9	9
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	8	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	10	7	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7.5	7	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	7	4	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	5.5	1	3
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	10	7	8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	10	5	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7	7	7
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	7		3
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	8	0	3
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	9.5	7	8
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7.5	2	4
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	7.5	2	4
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	7	5	6

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Phương trình đạo hàm riêng**

Mã: **M04**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	7	6	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	7	7	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8	8	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7	7	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	7	8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	7	8	8
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	7	3	5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7	4	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	8	8	8
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6	7	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	7	6	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	7	6	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	9	5	7
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	6	7	7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	7	7	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	7	6	7
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	7	5	6
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	8	9	9
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	9	4	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	7	6	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8	6	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	7	8
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	5	8	7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	7	7	7
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	6	5	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	8	8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	6	4	5
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	8	7	8
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	9	8	9
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	7	5	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	8	7	8
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	7	7	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	7	6	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	7	3	5
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	8	6	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	7	7	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	4	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	9	6	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	7	3	5
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	6	6	6
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7	6	7
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	8	7	8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	8	7	8
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	9	6	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	7	4	6
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	9	5	7

Môn: **Phương trình đạo hàm riêng**

Mã: **M04**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	3	5
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	7	6	7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	8	7	8
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	6	7	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	6	7
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	7	3	5
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	7	8	8
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	8	5	6
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	8	8
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	9	8	9
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	6	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	7	6	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8	6	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	5	4	5
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	7	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	9	7	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6	7	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	7	8	8
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	10	9	9
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	5	9	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	6	7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	5	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	8	7	8
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	7		3
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	6	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	10	6	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	9	7	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85				
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	3	1	3
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	7	8	8
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	8	6	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	9	6	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	7	7	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Không gian Metric - Tôpô**

Mã: **M05**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	6	4	5
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	6	6	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	6	6	6
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	6	6	6
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	6	6	6
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	6	6	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6	4	5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7.5	6	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	6		3
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6	6	6
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	6	6	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	6.5	6	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	6	4	5
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	6	6	6
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6	4	5
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	4	5
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	7.5	6	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	5	6	6
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	7.5	3	5
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	5	6	6
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	6	6	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	4	6	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	4.5	4	5
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	4	5
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	5	5	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	6	4	5
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7.5	4	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	6	4	5
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	6	6	6
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	6	6	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	6.5	4	5
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	4	4	5
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	7.5	6	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	7.5		3
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	6	4	5
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	6	5	6
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	4	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	6	4	5
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	4	6	6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	7.5	5.5	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	4	4	5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	7.5	4.5	6
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	6	6	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	7.5	6	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	7.5	6	7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	6	6	6

Môn: Không gian Metric - Tôpô

Mã: M05

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	6	2	4
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	7.5	6	7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	6	5	6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	6	5	6
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	7.5	5	6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	7.5	4.5	6
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	6	4.5	6
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6	6	6
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	6	6	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	6	6	6
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	6	4	5
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	6	4	5
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	10	6	4	5
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	6	6	6
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	4	3	4
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	6	5	6
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	6.5	5	6
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6	6	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	7.5	6	7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	6	6	6
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	6	6	6
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	6	6	6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7.5	4	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	6.5	4	5
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	6	6	6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	7.5	4	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	6	4	5
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7.5	5	6
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	4	3.5	4
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	6	4	5
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	6	5	6
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	6	4.5	6
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	7.5	5	6
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	7.5	6	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Độ đo tích phân**

Mã: **M06**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	6	6	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	7	1	4
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	6	2	4
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	6	0	3
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	6	1	3
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6	0	3
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7	1	4
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	7	3	5
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6	1	3
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	6	0	3
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	7	3	5
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	7	0	3
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	6	0	3
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6	0	3
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	0	3
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	6	1	3
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	6	8	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	6	0	3
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	6	7	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	7	1	4
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	6	6	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	6	6	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	6	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	6	4	5
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	6	1	3
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7	1	4
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	6	2	4
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	6	5	6
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	7	3	5
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	7	6	7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	6	2	4
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	7	2	4
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	6	KL	3
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	7	7	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	6	3	5
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	0	3
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	6	5	6
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	6	5	6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	6	1	3
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	6	1	3
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	7	7	7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	6	0	3
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	6	2	4
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6	1	3
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	6	1	3

Môn: **Độ đo tích phân**

Mã: **M06**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	6	0	3
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	6	0	3
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	6	1	3
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	6	1	3
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	7	0	3
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	6	0	3
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	6	7	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6	1	3
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	6	1	3
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89		HL	Hủy	0
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	7	0	3
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	7	2	4
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	7	1	4
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	6	0	3
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	7	1	4
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	7	2	4
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6	4	5
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	6	3	5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	7	5	6
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	7	1	4
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	7	0	3
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	7	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	6	6	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	6	1	3
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	6	2	4
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	7	0	3
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7	0	3
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	6		3
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	7	0	3
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	6	0	3
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	6	1	3
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	6	1	3
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	7	1	4

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Giải tích hàm

Mã: M07

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	8	8	8
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	8	9	9
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8	9	9
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	8	7	8
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	9	7	8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8	7	8
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	8	8	8
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7		3
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	9	9	9
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8	8	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	8	8	8
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	9	8	9
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	8	9	9
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	9	8	9
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	8	10	9
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	9	9	9
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	9	10	10
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	9	10	10
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	9	7	8
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	9	9	9
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8	9	9
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	8	8
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	8	9	9
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	9	8	9
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	9	8	9
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	9	8	9
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8	7	8
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	9	9	9
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	9	7	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	9	7	8
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	9	10	10
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10	8	8	8
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	9	9	9
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	8	8	8
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	8	9	9
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	9	9	9
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	8	7	8
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	8	8	8
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	8	8	8
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	9	8	9
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	8	7	8
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	9	10	10
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	9	9	9
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	9	8	9
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	8	7	8
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	6	7

Môn: Giải tích hàm

Mã: M07

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	6	7
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8	7	8
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	8	9	9
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	9	8	9
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	9	8	9
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8		3
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	8	7	8
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	9	5	7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	10	9
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	9	9	9
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	9	8	9
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	9	7	8
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8	9	9
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	9	8	9
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	9	9	9
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	9	10	10
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	8	8	8
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	8	8	8
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9	8	9
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9	10	10
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	8	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	9	10	10
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	9	8	9
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	8	9	9
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	8	8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	9	7	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8	9	9
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8	8	8
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	8		3
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	9	8	9
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	8	8	8
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8	7	8
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	9	9	9

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Hình học AFIN EUCLID**

Mã: **M08**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	3.5	5	5
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90				
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8	7	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	8	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	7.5	6	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8	6	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6	5.5	6
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	6.5	5.5	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	6	4	5
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6.5	5	6
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	6.5	4.5	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8	5.5	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	7.5	5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	5	4.5	5
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	8	6.5	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	8	5.5	7
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	5.5	6	6
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	9	3.5	6
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	4.5	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8	5.5	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8.5	5.5	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	6	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	8	5.5	7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	5	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	6	5.5	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	6.5	4.5	6
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	5.5	4	5
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	9	3.5	6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	7	3.5	5
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	9	5.5	7
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	6.5	6	7
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10	6.5	5.5	6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	8.5	6	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	9.5	5	7
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	6.5	6	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	5.5	6	6
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	8.5	3	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	9	4.5	6
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	4.5	4.5	5
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	9.5	6	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	8	5.5	7
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	10	5.5	7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	4.5	3.5	4.5
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8.5	5	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	3	4.5	5
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	9	4.5	6

Môn: Hình học AFIN EUCLID

Mã: M08

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	6.5	5.5	6
48	51	Lê Thị Mâu	Nữ	26.11.90	10	9	4.5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	4.5	3.5 7.5	4 7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	4.5	8	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	4.5	KL 5.5	2 6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8.5	6	7
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	10	6.5	8
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6.5	3	5
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	5.5	5	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8.5	4	6
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	6.5	2.5 8.5	4 8
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	9.5	5.5	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	10	9	4.5	6
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8.5	5	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	6.5	3	5
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	4	6
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	9	6	7
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6.5	5	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	6.5	2 8.5	4 8
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9.5	5.5	7
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	7.5	6.5	7
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	9	5.5	7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	6.5	4.5	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	5.5	6	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	5	0 8.5	3 8
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	7.5	3.5	5
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	5.5	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7.5	5.5	7
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	9.5	6	7
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	7	4.5	6
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	6.5	4	5
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7.5	6	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	5.5	4.5	5
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	4	6

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOA 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Hình học xạ ảnh

Mã: M09

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	5	4	5
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	3	6.5	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7	7.5	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7	7	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	6	7	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8	5	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6	6.5	7
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	6	1	3
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	7	6.5	7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8	4	6
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	7	5.5	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8	5.5	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	8	4.5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	1	4
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	7	4.5	6
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	4.5	6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	6	4	5
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	9.5	8	9
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	6	6.5	7
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8	9.5	9
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	6	6.5	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	7	4	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	6	3.5	5
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	8	4	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	6	4.5	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	7.5	8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	6	2.5	4
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	9.5	5.5	7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	7	8.5	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	6	6	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	7	6.5	7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	6	7	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	8	6	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	7	5	6
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	7	7	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	5	6.5	6
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	5.5	6
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7	7	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	6	6	6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	6	5.5	6
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7	2.5	5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	8	7	8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	5	6	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8.5	6	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	7	6	7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	7	6	7

Môn: Hình học xạ ảnh

Mã: M09

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	6	7.5	7
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	6	7.5	7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	4.5	7.5	7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	7.5	5.5	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	6.5	7
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	6	7	7
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	7	7	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6	6.5	7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8.5	5	7
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	9.5	6	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	6.5	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	10	6	8
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	7	6.5	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	7	2.5	5
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	7	4.5	6
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	9	5	7
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	5	7.5	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	5	8	7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9.5	9	9
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9	6	7
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	9	5.5	7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	6	7	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	7	8	8
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	6	6	6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	6	4.5	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	7	7	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	6	7	7
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	7		3
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	7	6	7
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	8	6	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	6	6.5	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	6	2.5	4
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	7	7.5	8

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Hình học vi phân**

Mã: **M10**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	5.5	7	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	6	5.5	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7	5	6
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7.5	4	6
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	5	6
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	10	4.5	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6	1	3
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	6		3
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	7.5	6	7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8.5	3.5	6
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	5.5	5.5	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	10	6.5	8
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	9	3.5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	3	5
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6.5	6.5	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	7	6.5	7
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	6	7.5	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	10	6	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	6	6.5	7
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	7	7.5	8
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	7	3	5
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	6	6.5	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	5.5	6	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	6.5	7
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	7	5	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	6.5	7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7	4	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	6.5	4.5	6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	7	7.5	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	7	2.5	5
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	7.5	7.5	8
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	6.5	8	8
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	10	5.5	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	6.5	3	5
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	5.5	7.5	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	6.5	7	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	5	4	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	6.5	6.5	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	7	7	7
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	5.5	7.5	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7	4	6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	7.5	8	8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	6.5	6.5	7
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	9	7	8
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6.5	6.5	7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	6	4	5

Môn: Hình học vi phân

Mã: M10

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	6	5.5	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	7	5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	6	6.5	7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	8	7	8
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	7	8
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	6		3
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	10	4.5	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	5.5	2.5	4
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	9.5	5.5	7
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	7.5	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	9.5	5	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	10	5.5	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	6.5	7.5	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	5.5	6.5	7
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	7	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	7	6.5	7
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6	6.5	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	6.5	7.5	7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	10	8	9
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	10	6.5	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	8	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	6.5	6.5	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	6.5	5	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	6.5	5.5	6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	3.5	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	8	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7	5	6
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	5.5	2.5	4
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	4.5		2
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	6.5	6.5	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7	5	6
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8.5	2.5	5
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	6.5	6.5	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Số luận**

Mã: **M12**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	8	6	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	5HL	5	6HL
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	6.5	8	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7.5	8	8
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	6	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	7	5.5	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	4.5	4.5	5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	8.5	3.5	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	7.5	0 2	3 4
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	9	5	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	9	5	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	9	7.5	8
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	6	5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	4	4.5	5
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6.5	5.5	6
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	4.5	6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	7	7	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	8.5	6	7
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	7.5	4.5	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8.5	5.5	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8	5	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	9	6	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	7	4.5	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	4.5	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8.5	6.5	7
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7.5	7.5	8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	6	4.5	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	10	7	8
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8.5	6.5	7
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8.5	6	7
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	9	6.5	8
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	7	7	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	5	4.5	5
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	8	5	6
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	7.5	8	8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8.5	6	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	4.5	6
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	6	4.5	6
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	8.5	6	7
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	8	7	8
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	8	6.5	7
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	9	5.5	7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	4.5	6.5	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8.5	5.5	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	9.5	6.5	8
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	7	5	6

Môn: Số luận

Mã: M12

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	9	6.5	8
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	5.5	4	5
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	4	6	6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	7	6.5	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	5	6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8.5	2	5
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	6.5	6.5	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	8	3	5
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8.5	6	7
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	10	5.5	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	7.5	5.5	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	10	6.5	8
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	10	4.5	5	5
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	7.5	6.5	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	7.5	5.5	7
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	9	7	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8	3	5
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	4.5	7.5	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	4.5	6.5	6
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9.5	6.5	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9.5	6	7
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8.5	8	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	8.5	5	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	5.5	5	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	4.5	1.5 4.5	3 5
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	9	5	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	7	8	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7	6.5	7
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8	5	6
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	8	3.5	6
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	9.5	5.5	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	6.5	4	5
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	6	3.5	5
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	6.5	8	8

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Lý thuyết Galoa

Mã: M13

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	8	4	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	3	7	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	6.5	6	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	4	6	6
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	7	8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	4.5	6	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	3.5	7	6
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	2.5	HL	2
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	4.5	7	7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	5	5	6
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	0.5	HL	1
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	5	6	6
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	6	4	5
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	4.5	4	5
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86				
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	4	3	4
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8	7	8
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	8.5	8	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	3		2
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	7	7	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	3	4	4
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	6	6	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	7	3	5
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	4.5	6	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	5	6	6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	9	9
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	5	1	3
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	7	6	7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8.5	8	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	5	5	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	9	7	8
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	4.5	6	6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	6	2	4
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	3.5	6	6
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	8.5	7	8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	3	6	6
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	4.5	5	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	6.5	7	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	4.5	6	6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	6	6	6
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	4.5	5	5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	8.5	7	8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	4.5	6	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	3	7	6
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	3	5	5
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	4	5	5

Môn: Lý thuyết Galoa

Mã: M13

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	5	6	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	3.5	5	5
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	3	6	6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	3	7	6
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	6.5	6	7
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	1.5	HL	1
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	8.5	7	8
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	4	6	6
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	6.5	7	7
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	6.5	7	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	5	5	6
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	8.5	5	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	4.5	5	5
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	3	6	6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8.5	8	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	7	9	9
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6.5	5	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	3	6	6
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	8.5	6	7
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	5	9	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	5	6	6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	6	6	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	9	4	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	4		2
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	7	9	9
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	6.5	6	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	6	6	6
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85				
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	2	HL	2
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	6.5	6	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	4	6	6
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	4	5	5
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	6.5	6	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Lý thuyết Modul

Mã: M14

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	7	4.5	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	6.5	7	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	5.5	7.5	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	5.5	7.5	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	4.5	5	5
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	5.5	6	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	3	7.5	6
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	5	5.5	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	4	1	3
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	7.5	5.5	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	4	4	5
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	6	8.5	8
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	3	3	4
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	4	3	4
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	5.5	4.5	5
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	4.5	5.5	6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	5.5	7.5	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	10	9.5	10
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	6	6	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	7	5	6
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	4	6.5	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	4.5	4.5	5
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	3.5	3	4
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	5.5	5	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	4.5	4.5	5
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	5.5	8	7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	3	2.5	3
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	8	5	6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	10	7.5	9
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	4	6	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	8.5	5.5	7
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10	7	5.5	6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	4.5	4	5
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	3.5	3.5	4
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	4.5	4.5	5
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8	8	8
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	4	4	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	4	3.5	4
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	5	1.5	3
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	4	0.5	3
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	4.5	0	2
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	8.5	9	9
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	5	4.5	5
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	6.5	3	5
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	4.5	4	5
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	3.5	3	4

Môn: Lý thuyết Modul

Mã: M14

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	4	1	3
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	4	2.5	4
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	4	3.5	4
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	4	1	3
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	4	1	3
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	4	3	4
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	10	6	8
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	4	1.5	3
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	4.5	1.5	3
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	9	6	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	4	0	2
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	6.5	4	5
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	4	4.5	5
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	4	3	4
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	4	2.5	4
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	10	9	9
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	4	6	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	3.5	4	4
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	7.5	6	7
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	OKL	3
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	9	7	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	8	8.5	9
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	4.5	4	5
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	3	2	3
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	7	5	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	6.5	7	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	3	5	5
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	5	v	3
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	4.5	0.5	3
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	5	3.5	5
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	3	5.5	5
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89				
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	4	6	6

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Tâm lý học

Mã: M15

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	8	8	8
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	8	6.5	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8	9	9
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	6	7.5	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	9	9
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8	9	9
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	8	5	6
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	8	6	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	8	7.5	8
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6	9	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	8	6	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8	9	9
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	8	6.5	7
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	8	7	8
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	8	9	9
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	8	8.5	9
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8	9	9
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	8	9	9
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	8	8
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8	9	9
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	6	8	8
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	6.5	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	6	9	8
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	8	9	9
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8	9	9
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	8	9	9
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	6	7.5	7
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	8	9	9
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	6	9	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8	7.5	8
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	8	8	8
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	8	8	8
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	8	8	8
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	8	7	8
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	8	8	8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8	9	9
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	7	7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	8	9	9
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	8	9	9
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	8	9	9
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	8	8	8
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	8	9	9
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	6	8	8
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8	8	8
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	8	7	8
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	7	8

Môn: Tâm lý học

Mã: M15

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	9	9
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8	9	9
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	8	9	9
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	8	9	9
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	8	8
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8	8.5	9
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	8	8	8
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	8	9	9
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	9	9
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	9	9
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	8	8
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	8	8	8
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8	8.5	9
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	8	6	7
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	7	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	6	9	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	7	9	9
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	8	8	8
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	8	8	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	6	7
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	9	9
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	8	8	8
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	8	7	8
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	8	9	9
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	8	8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	8	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8	8	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8	6	7
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	6	7	7
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	8	9	9
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7	9	9
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8	6	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	8	8

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Giáo dục học**

Mã: **M16**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	7	6	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	6	5	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7	6	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	8	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	6	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8	5	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6		3
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7	5	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	6	6	6
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6	7	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	6	5	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	7	6	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	7	5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	5	6
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	8	6	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	7	7
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	7	7	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	7	9	9
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	7	8
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	6	6	6
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8	5	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	6	6	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	6	9	8
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	8	8
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	6	8	8
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	7	7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7	6	7
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	8	6	7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	7	8	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8	5	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	7	6	7
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10	7	6	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	7	5	6
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	7	5	6
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	6	5	6
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	9	7	8
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	5	6
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7	5	6
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	6	5	6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	7	5	6
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	8	5	6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	8	5	6
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	6	5	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8	5	6
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6	5	6
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	5	6

Môn: **Giáo dục học**

Mã: **M16**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	5	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8	5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	7	6	7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	7	5	6
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	7	6	7
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	7	5	6
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	7	5	6
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	7	6	7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	5	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	6	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	7	5	6
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	7	5	6
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8	5	6
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	6	5	6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	7	5	6
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	6	5	6
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	7	5	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	6	6	6
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9	6	7
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	5	6
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	7	5	6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	8	7	8
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	7	7	7
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	7	6	7
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	7	5	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	7	5	6
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7	5	6
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	6	5	6
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	8	5	6
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	7	6	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7	5	6
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	7	5	6
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	5	6

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Phương pháp Nghiên cứu khoa học

Mã: M17

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	8	7	8
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	8	6	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7	7	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	7	8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	9	6	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	8	6	7
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7	7	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	8	8	8
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	9	7	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	7	6	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8	6	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	9	6	7
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	8	6	7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	8	9	9
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	8	7	8
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8	6	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	8	7	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	7	6	7
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8	8	8
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	7	6	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	5	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	7	8	8
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	8	7	8
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8	7	8
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	8	7	8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8	6	7
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	9	6	7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8	7	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8	6	7
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	8	5	6
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	7	6	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	9	5	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	7	6	7
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	7	8	8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8	8	8
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	8	6	7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	8	7	8
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	7	7	7
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	7	6	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7	6	7
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	7	6	7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	8	5	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8	7	8
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	7	6	7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	5	6

Môn: Phương pháp Nghiên cứu khoa học

Mã: M17

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	7	6	7
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8	6	7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	7	8	8
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	7	6	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	7	8
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	7	8	8
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	9	8	9
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	7	6	7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	9	7	8
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	7	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	7	8
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	9	5	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	7	7	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	7	7	7
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	6	7
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8	6	7
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	8	7	8
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	7	7	7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9	7	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	7	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	9	6	7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	8	8
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	8	8	8
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	7	7	7
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	9	6	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	9	6	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	9	7	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8	7	8
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	7	6	7
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	9	7	8
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7	5	6
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8	6	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	6	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1

Mã: M18

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	BL			8
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	BL			7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	BL			8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	BL			6
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	BL			8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	BL			7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	BL			5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	8	5	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	BL			6
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8	7	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	8	6	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	BL			2.7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	BL			8
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	BL			2.7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	BL			7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10			8
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	BL			7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	BL			8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	6	7
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	BL			7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	BL			6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	BL			7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	BL			7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	BL			8
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	BL			7
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	BL			8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8	5	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	BL			5.6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	BL			8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	BL			8
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	BL			7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	BL			6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	BL			7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	BL			7
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	BL			8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	BL			7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	BL			7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	8	6	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	BL			6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	BL			7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	BL			6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	BL			7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	BL			6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8	5	6
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	BL			6
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	5	6

Môn: Nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1

Mã: M18

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	5	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	BL			6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	BL			7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	BL			7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	BL			6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8	6	7
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	BL			7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	BL			7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	5	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	7	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	BL			7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	BL			7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	BL			7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	BL			5
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	7	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8	8	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	BL			7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	BL			7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	BL			7
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	6	7
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	BL			6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	BL			7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	BL			6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	BL			2 7
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	6	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	BL			3 7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8	7	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8	6	7
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	BL			4 5
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	BL			5
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	BL			8
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8	5	6
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	6	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2

Mã: M19

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	BL			8
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	BL			4 6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	BL			6
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	BL			8
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	BL			8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	BL			8
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	BL			5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	8	3	5
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	BL			7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6	4	5
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	7	3	5
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	BL			7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	BL			8
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	BL			2 5
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	BL			4 8
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	BL			6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	BL			8
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	BL			8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	4	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	BL			7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	BL			6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	BL			7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	BL			7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	BL			8
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	BL			7
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	BL			7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8	3	5
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	BL			7.1
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	BL			8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	BL			4 7
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	BL			7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	BL			6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	BL			7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	BL			7
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	BL			7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	BL			7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	BL			6
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	8	3	5
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	BL			8
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	BL			7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	BL			5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	BL			7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	BL			7
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8	1	4
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	BL			8
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	2	5

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	3	5
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	BL			4 5
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	BL			2 6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	BL			7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	BL			6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8	4	6
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	BL			7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	BL			4 5
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	4	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	6	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	BL			5
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	BL			7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	BL			7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	BL			5
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	9	1	4
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	7	4	6
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	BL			6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	BL			4 5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	BL			2 6
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	3	5
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	BL			5
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	BL			7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	BL			8
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	BL			6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	4	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	BL			4 5
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8	4	6
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8	4	6
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	BL			4 6
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	BL			8
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	BL			7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	7	3	5
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	9	6	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Ngoại ngữ

Mã: M22

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	9	5.5	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	7	6	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7.5	7	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	8.5	5	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8.5	5	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8.5	6	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	8.5	7	8
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7.5	6	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	8	6	7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	7.5	5	6
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	8	5	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8.5	5	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	8	6	7
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	8	4	6
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	9	7	8
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	8.5	8	8
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8.5	6	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	9	7.5	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	7.5	8
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8	7.5	8
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8.5	6	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	8	8
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	8	5.5	7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	8.5	7.5	8
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8.5	5	7
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7.5	7	7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8.5	6	7
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	7	6	7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8.5	6	7
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8.5	8	8
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	9	5.5	7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	7	7	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	8	5.5	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	9	5	7
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	8	5.5	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8.5	7.5	8
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	8.5	6	7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7.5	6	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	8.5	6.5	7
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	9	6	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	8	5	6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	8	7	8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	8	7.5	8
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	9	5	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	9	7	8
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	5	6

Môn: Ngoại ngữ

Mã: M22

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8.5	7.5	8
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8.5	4	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	8.5	8	8
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	8.5	7	8
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	9	7	8
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	7.5	7	7
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	8.5	5	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	9	7.5	8
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	5	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	9	6	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	7.5	6.5	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	8.5	5	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8.5	6	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	7.5	7	7
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8.5	6	7
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8	7	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	8	6.5	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	8.5	5.5	7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9	7	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8.5	6	7
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	7	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	8	6.5	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	8.5	7	8
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	8.5	6	7
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	7	8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8.5	7	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8.5	6	7
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8.5	7	8
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	8	7	8
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	8	7	8
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	8	8	8
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8.5	6	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8.5	7	8

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Đại số sơ cấp

Mã: M23

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	7	3.5	5
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	7	6	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7.5	5.5	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	6.5	5	6
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	9	6	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	6.5	7	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	5.5	3.5	5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88				
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	7.5	4	6
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6.5	6	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	8	1	4
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8	5.5	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	6	5.5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	2	4
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6.5	7	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	2	4
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8	1.5	4
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	8	5.5	7
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	5	3	4
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8	3	5
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	6	3.5	5
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	7	6	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	6	5	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	7	1	4
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	7	3.5	5
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	8	8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	6.5	4.5	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	5.5	5	6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	9	6.5	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8	5	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	8	6.5	7
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	8	3.5	6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	8	3	5
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	5.5	1.5	4
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	7.5	3	5
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	7.5	4.5	6
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6.5	2.5	4
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7	2.5	5
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	6	2	4
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	6.5	6	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	5.5	3	4
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	6	2	4
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	7.5	4	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	6	3	5
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	5.5	2	4
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87				

Môn: Đại số sơ cấp

Mã: M23

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	4.5	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	7	4.5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	6	6.5	7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	7.5	6	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	7.5	5	6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87				
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	6.5	7	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6.5	3	5
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	7	5	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8.5	7.5	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	6.5	3.5	5
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	8.5	4	6
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	7	7	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	7.5	4	6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	7	9	9
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8.5	9	9
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	4.5	5	5
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	7.5	3.5	5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	6.5	5	6
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9	7	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	7	7	7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	6	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	7.5	6	7
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	7.5	5	6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8.5	5	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	7	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	7	7.5	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	5	8	7
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87				
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	7.5	5.5	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7.5	5	6
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	6	5	6
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	7.5	5	6

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Xác suất thống kê**

Mã: **M24**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	8	6.5	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	8	5.5	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8	8	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	8	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	6	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	8	6	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	7	4.5	6
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7	5.5	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	8	5.5	7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8	8	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	8	5	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8	5.5	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	8	5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	8	5.5	7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	8	8	8
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	8	7	8
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8	5	6
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	8	7.5	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	7	3.5	5
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8	8.5	9
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8	6	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	6	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	8	4	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	8.5	8
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8	8	8
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	8	8	8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8	4	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	6	7	7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8	8.5	9
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8	7	8
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	8	8	8
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	8	7	8
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	7	7	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	8	v	3
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	8	5.5	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8	6.5	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	8	2	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	8	8	8
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	8	KL	3
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	8	6.5	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	8	5	6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	7	8.5	8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	6	6.5	7
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	8	8.5	9
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	7	6	7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	6.5	7

Môn: **Xác suất thống kê**

Mã: **M24**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	4.5	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8	5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	7	8.5	8
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	8	7.5	8
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	7	8	8
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8	5.5	7
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	8	8.5	9
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	8	5	6
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	8.5	9
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	8	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	8	6	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	8	5	6
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	10	8	5	6
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	8	9	9
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	8	4.5	6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	6	7
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	9	7	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	8	6	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	8	7	8
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	8	7.5	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	8	5	6
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	7.5	8
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	8	8	8
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	8	5	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	7	4.5	6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	7	8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	7.5	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8	7	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	7	5	6
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	8	6	7
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	8	7	8
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	8	5.5	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8	KL	3
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	6.5	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Lí thuyết tối ưu

Mã: M25

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	9.5	4	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	9.5	6	7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	9	6	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	9	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8.5	7	8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	9	6	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	9.5	5	7
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	9	5	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	8.5	2	5
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8	6.5	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	9	6	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	9.5	7	8
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	9.5	4.5	7
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	9.5	6	7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	9	7	8
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	9	4	6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	9.5	5.5	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	9	7	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	9	5	7
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8.5	6.5	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	9.5	4	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	9	5	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	8.5	7	8
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	9.5	5	7
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	9	6	7
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	9.5	6	7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	9.5	4	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	9	7	8
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	9.5	6	7
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	9.5	7	8
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	9.5	6.5	8
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10	8.5	7	8
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	9	6	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	9.5	5	7
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	9.5	5	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	8.5	5	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	8.5	2	5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	9	5	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	9	4.5	6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	8.5	5	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	9.5	5	7
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	9.5	6	7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	8.5	6	7
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	9.5	5	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	9.5	5	7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	8	6.5	7

Môn: Lí thuyết tối ưu

Mã: M25

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	9	5	7
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	8.5	5	7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89				
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	9.5	5	7
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	9.5	4	6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	9	4	6
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	8.5	6.5	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	9	5	7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	8	8
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	9.5	6.5	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	9	3	6
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	9.5	5	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	9.5	4	6
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	8.5	5	7
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	9	7	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	9	4	6
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	9	5	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	9	4	6
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	9	7	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9.5	7.5	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	9	6	7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	9	6	7
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	9	4	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	6	5	6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	9.5	8	9
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	9.5	8	9
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	9.5	7	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	8		3
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	9.5	2	5
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	9	5	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	8.5	6	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	9.5	4.5	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	9.5	7	8

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Giải tích số

Mã: M26

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	6	1 4.5	3 6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	3	7	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	4	9	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	3.5	5.5	5
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	6.5	8.5	8
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	10	7.5	9
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	7.5HL	1 1	4HL
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	0	HL	1
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	5.5	5	6
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	3	5	5
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	1	HL	1
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	9	4.5	6
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	5	6	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	3	4 2.5	4 3
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	3	9	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	3	4.5	5
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	8.5	5	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	6.5	8	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	5.5	1	3 3
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	7.5	6.5	7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	3	5	5
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	7	4.5	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	3.5	7.5	7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	8.5	3	5
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	5.5	3 3	4 4
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	6	8	8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	3	3 2.5	4 3
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	8	1.5 0	4 3
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8.5	7	8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	5	2 2	4 4
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	3.5	7	6
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	3	8	7
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	6.5	6	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	2.5		2
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	6	6.5	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	5.5	3 4.5	4 5
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	6	2.5 2.5	4 4
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	4.5	2.5 3.5	4 4
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	3	6	6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90				
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	3	4.5	5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	10	8.5	9
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	4.5	5.5	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	3	6.5	6
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6	5	6
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	3	3.5 3	4 4

Môn: Giải tích số

Mã: M26

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	7	8	8
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	4.5	6.5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	3.5	8	7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	3	5.5	5
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	3	5	5
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	3.5	0.5	2
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	7	7	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	3	2 3.5	3 4
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	5	6	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	10	5.5	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	9HL	2.5 2.5	5HL
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	6	3.5	5
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	3.5	7	6
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	5.5	4	5
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	6.5	3.5	5
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8	4.5	6
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	9.5HL	2.5 2.5	5HL
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	5.5	4.5	5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	10	6	8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	10	4	6
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8.5	4	6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	7.5	8
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	6	6	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	8HL	4 4	6HL
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	5.5	6.5	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	10	6	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	9	6.5	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	3.5	5.5	5
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	0.5	HL	1
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	4.5	3.5 4	4 5
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	3	4 3	4 4
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	3	7	6
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	3.5	5.5	5

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Phương pháp dạy học đại cương

Mã: M27

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	5	6	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	6	4	5
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7	4.5	6
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	8	4	6
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	6	5	6
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	4	6	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	4	4	5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	5	6	6
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	5	4	5
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	4	4.5	5
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	4	5	5
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	6	5	6
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	3	7	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	5.5	6
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6	5.5	6
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	5	6	6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	4	3.5 5	4 5
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	6	6	6
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	7	4	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	4	5.5	6
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	6	5	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	4	5	5
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	6	4.5	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	7	4.5	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	5	4.5	5
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	6	5.5	6
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	5	4	5
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	5	4.5	5
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	5	4.5	5
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	4	4	5
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	5	6	6
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	4	5	5
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	6	4	5
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	4	4	5
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	6	5.5	6
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	6	5.5	6
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	4	3.5 4.5	4 5
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	5	6.5	6
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	4	3 3.5	4 4
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	7	8	8
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	4	4	5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	3	4	4
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	3	5	5
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	4	4.5	5
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6	5	6
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	6	5	6

Môn: Phương pháp dạy học đại cương

Mã: M27

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	5	8	7
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	4	7	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	4	6.5	6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	5	6	6
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	6	7	7
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	6	8	8
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	6	7.5	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6	6.5	7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	6	5.5	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	5	6.5	6
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	4	5.5	6
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	7	7	7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87	10	4	5	5
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	6	7.5	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	5	5	6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	7	6	7
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	7	6.5	7
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6	5.5	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	4	4.5	5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	6	4.5	6
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	5	3.5	5
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	7	5	6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	3	6	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	5	5.5	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	5	7	7
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	6	6	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	7	5	6
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	5	7.5	7
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	5	4.5	5
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	6	4.5	6
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	5	5	6
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	6	7.5	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	4	6.5	6
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	6	5.5	6

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Phương pháp dạy học Toán

Mã: M28

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	7	6	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	5	5.5	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8	6.5	7
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7	6	7
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8	6	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	3	5.5	5
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	5	4	5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	5	4.5	5
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	7	7	7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	7	7	7
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	7	5	6
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8	6.5	7
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	8	5	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	5	6
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	7	6.5	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	6	3	5
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	7	4	6
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	7	5	6
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	3	4	4
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	7	5.5	6
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	5	5.5	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	7	5	6
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	7	5.5	6
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	5	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	7	3.5	5
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	7	4.5	6
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7	4	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	7	5	6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	6	3.5	5
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	7	5.5	6
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	7	3	5
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	7	4.5	6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	7	5.5	6
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	7	3.5	5
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	7	5.5	6
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	6	3	5
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	7	4.5	6
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7	4.5	6
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	4	3.5	4
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	7	6.5	7
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7	4	6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	7	4.5	6
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	5	5.5	6
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	7	4	6
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6	4.5	6
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	7	3.5	5

Môn: Phương pháp dạy học Toán

Mã: M28

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	3	6	6
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	6	4.5	6
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	3	6.5	6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	6	5	6
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	7	5	6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	7	4	6
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	7	5.5	6
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	7	4	6
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8	5	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	7	4	6
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	7	5.5	6
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	6	4	5
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	6	4	5
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	3	5	5
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	6	4	5
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	9	7	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	0	5	7.5	6
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	0	5	6	5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	0	7	7	6
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9	6.5	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	3.5	6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	5	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	3	6	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	6		3
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	9	5.5	7
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	6	7
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	6	6	6
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85				
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	3	4.5	5
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	7	6.5	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	7	6.5	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	7	5.5	6
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	6.5	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Lôgic và Lịch sử Toán**

Mã: **M29**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	6	6	6
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	5	5.5	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	7	5.5	6
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7	4	6
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	7	5	6
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	6	5	6
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6	4	5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	6	6.5	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	5	5	6
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	7	2.5	5
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	6	6.5	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	6	6	6
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	6	6	6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	5	6
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6	5.5	6
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	7	4	6
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	6	6.5	7
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	7	6	7
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	6	4.5	6
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	6	4.5	6
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	7	5	6
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	6	3.5	5
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	4	5	5
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6	5.5	6
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	8	6.5	7
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	8	5.5	7
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	8	5	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	6	5.5	6
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	4	5	5
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	7	6	7
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	7	4	6
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	10	6	5	6
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	7	5.5	6
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	6	5	6
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	10	7	7	7
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	7	6	7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	7	6.5	7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	6	3	5
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	6	3	5
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	5	6.5	6
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	6	3	5
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	6	5	6
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	7	v	3
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	6	2.5	4
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6	3.5	5
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	7	4	6

Môn: **Lôgic và Lịch sử Toán**

Mã: **M29**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	6	7	7
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	7	6	7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	7	5.5	6
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	7	5	6
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	7	5	6
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	3	7	6
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	6	7	7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	8	5.5	7
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	6	6	6
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	7	6	7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	6	4	5
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	7	5.5	6
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	5	5	6
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	5	6	6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	5	5	6
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	5	6	6
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	7	7	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	7	4.5	6
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	6	6.5	7
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9	5.5	7
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	7	5.5	6
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	7	5.5	6
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	7	4	6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	7	5.5	6
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	4	6
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8	7	8
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8	7.5	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85				
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87	10	4	6	6
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	8	5	6
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	4	5	5
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	5	3.5	5
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	4	6	6

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Tin học

Mã: M30

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10	7	6	7
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10	5.5	6	6
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10	8.5	7.5	8
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10	7.5	8	8
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10	8.5	5.5	7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10	6	6.5	7
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10	6.5	6	7
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88				
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10	8	9	9
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	6.5	8.5	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	7	6.5	7
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10	8.5	9	9
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10	7	8	8
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10	7	6	7
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10	6.5	7.5	7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10	8	6	7
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10	6.5	8	8
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10	6.5	9	8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8.5	8	8
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10	8.5	8	8
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10	8	6	7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10	8	6.5	7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10	6.5	7.5	7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10	6.5	6.5	7
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10	7	8	8
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10	8	9	9
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	6	6	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10	7.5	8.5	8
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10	8.5	9	9
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10	8	7	8
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10	6.5	8.5	8
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10	8.5	8	8
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10	6.5	7.5	7
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10	7	8.5	8
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10	8.5	8	8
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10	6.5	8	8
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10	8.5	6.5	7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7.5	8.5	8
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10	7	7.5	8
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10	7.5	8.5	8
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10	7.5	6	7
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10	6	7.5	7
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10	8.5	7.5	8
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	6.5	8	8
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10	6.5	6	7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87				1

Môn: Tin học

Mã: M30

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	5.5	6.5	7
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10	6.5	6	7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10	8.5	7.5	8
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10	9.5	7	8
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10	8	7.5	8
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87				
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10	10	8.5	9
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10	6	6	6
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	8.5	6	7
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	9	7.5	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10	7.5	6.5	7
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10	8	7.5	8
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10	6	7.5	7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10	8.5	8	8
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	9.5	8	9
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	8.5	8	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10	6.5	6	7
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10	8	7.5	8
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10	10	8.5	9
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	10	8.5	9
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10	8	8.5	9
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10	8.5	7	8
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10	6.5	6.5	7
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10	8.5	8.5	9
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8.5	8.5	9
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10	8.5	9	9
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	8.5	7.5	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	9	8.5	9
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87				
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10	6.5	6	7
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10	6.5	6.5	7
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	8	6.5	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8.5	6	7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: Thực tập sư phạm

Mã: M33

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	10			9.4
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	10			9.7
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	10			9.6
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	10			9.9
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	10			9.7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	10			9.3
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	10			9.9
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10			9.5
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	10			9.5
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10			9.8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10			9.8
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	10			9.5
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	10			9.6
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	10			9.8
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	10			9.9
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	10			9.8
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	10			9.8
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	10			9.7
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10			9.7
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	10			9.8
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	10			9.8
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	10			9.2
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	10			9.7
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	10			9.5
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	10			9.6
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	10			9.8
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10			9.7
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	10			9.7
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	10			9.6
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	10			9.7
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	10			9.2
32	34	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	30.12.89	10			9.8
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	10			9.8
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	10			9.7
35	37	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.10.89	10			9.2
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	10			9.8
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	10			9.7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10			9.7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	10			9.6
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	10			9.8
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	10			9.9
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	10			9.5
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	10			9.1
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10			9.7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	10			9.7
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87				

Môn: Thực tập sư phạm

Mã: M33

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10			9.8
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	10			8.7
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	10			9.8
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	10			9.9
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	10			9.7
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87				
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	10			9.7
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	10			9.6
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10			9.8
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10			9.7
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	10			9.5
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	10			9.6
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	10			9.9
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	10			9.4
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10			9.6
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10			9.7
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	10			9.9
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	10			9.5
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	10			9.8
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10			9.8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	10			9.7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	10			9.2
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	10			9.5
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	10			9.5
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10			9.8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	10			9.6
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10			9.7
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10			9.9
76	82	Đinh Xuân Trọng	Nam	20.12.87				
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	10			9.5
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	10			9.3
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10			9.7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10			9.7

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP TOÁN HỌC - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 2B - TẠI ĐHSHPN

Môn: **Lịch sử Đảng + Tư tưởng HCM**

Mã: **M34**

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
1	1	Nguyễn Thị An	Nữ	15.12.90	BL			8.5
2	2	Ngô Phương Anh	Nữ	30.06.90	BL			8
3	3	Nguyễn Mai Anh	Nữ	12.10.90	BL			6.5
4	4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01.01.91	BL			6.5
5	5	Phạm Diệp Anh	Nữ	30.04.89	BL			7
6	6	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	28.02.90	BL			6.5
7	7	Phương Thị Vân Anh	Nữ	29.08.90	BL			7.5
8	8	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	03.02.88	10	7	6	7
9	9	Trần Hữu Bên	Nam	12.08.89	BL			7
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	16.11.88	10	8	8	8
11	11	Vũ Thị Duyên	Nữ	24.03.89	10	7	8	8
12	12	Đặng Thị Phương Dư	Nữ	13.07.90	BL			7.5
13	13	Lê Thị Hà Giang	Nữ	24.04.90	BL			6.5
14	14	Cù Thị Hải Hà	Nữ	06.11.88	BL			5.5
15	15	Lê Thị Thái Hà	Nữ	31.12.86	BL			7
16	17	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	02.06.90	BL			7
17	18	Vũ Thị Hằng	Nữ	31.08.90	BL			6
18	19	Phùng Thị Thu Hiền	Nữ	27.08.90	BL			8
19	20	Dương Thanh Mai Hoa	Nữ	26.04.89	10	8	8	8
20	21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10.02.90	BL			7
21	22	Đặng Thị Hoà	Nữ	25.09.89	BL			7
22	23	Lê Thị Hoà	Nữ	11.10.88	BL			7
23	24	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24.02.90	BL			7.5
24	25	Phạm Thị Thu Hoà	Nữ	19.08.90	BL			6.5
25	26	Trần Thị Hoà	Nữ	20.07.90	BL			7.5
26	27	Đỗ Minh Huệ	Nữ	24.11.90	BL			9
27	28	Phan Thị Kim Huệ	Nữ	23.09.89	10	7	5	6
28	29	Đặng Thị Huyền	Nữ	25-06-87	BL			8
29	31	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	06.01.90	BL			8
30	32	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	02.09.89	BL			6.5
31	33	Trần Thị Huyền	Nữ	13.12.90	BL			6
32	34	Nguyễn Thị Huỳ	Nữ	30.12.89	BL			7.5
33	35	Phạm Thị Hương	Nữ	11.06.89	BL			7.5
34	36	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14.01.89	BL			6
35	37	Nguyễn Thị Hường	Nữ	12.10.89	BL			6.5
36	38	Đặng Thị Hương Lan	Nữ	27.02.90	BL			7
37	39	Lê Hương Lan	Nữ	10-11-90	BL			7
38	40	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29.06.88	10	7	7	7
39	41	Phạm Thị Lan	Nữ	16.09.89	BL			8
40	42	Vũ Thị Hương Lan	Nữ	28.10.90	BL			8
41	43	Phạm Thị Lành	Nữ	22.08.89	BL			6
42	44	Ngô Thị Liên	Nữ	04.10.89	BL			8
43	45	Nguyễn Quỳnh Liên	Nữ	22.04.90	BL			7.5
44	46	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	14.12.89	10	7	7	7
45	47	Phạm Thị Loan	Nữ	07.09.89	BL			9
46	48	Trịnh Thị Luyến	Nữ	08.05.87	10	7	7	7

Môn: Lịch sử Đảng + Tư tưởng HCM

Mã: M34

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Điểm CC (0.1)	Điểm KT(0.3)	Thi cuối kỳ (0.6)	Điểm học phần
47	50	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	29-10-89	10	8	7	8
48	51	Lê Thị Mậu	Nữ	26.11.90	BL			7.5
49	52	Phạm Trà My	Nữ	18.09.89	BL			7
50	53	Lê Thị Mỹ	Nữ	05.01.90	BL			8
51	54	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	10.01.90	BL			7.5
52	55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21.04.87	10	8	8	8
53	56	Ngô Thanh Nguyệt	Nữ	08.09.90	BL			8
54	57	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	13.12.90	BL			8
55	58	Lê Thị Nụ	Nữ	21.10.89	10	7	8	8
56	59	Bùi Thị Oanh	Nữ	20.11.89	10	8	8	8
57	60	Bùi Thị Phương	Nữ	23.10.90	BL			6
58	63	Hoàng Thị Anh Sang	Nữ	01.06.90	BL			7
59	64	Vũ Thị Sâm	Nữ	20.10.87				
60	65	Lương Thị Thanh	Nữ	02.09.90	BL			7
61	67	Hoàng Văn Thà	Nam	22.02.89	BL			6
62	68	Ngô Tiến Thành	Nam	23.11.79	10	8	8	8
63	69	Dương Nhật Thăng	Nam	16-10-81	10	7	8	8
64	70	Đỗ Thị Thu	Nữ	12.11.90	BL			8
65	71	Nguyễn Nguyệt Thu	Nữ	10.12.90	BL			7
66	72	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	21.08.90	BL			7.5
67	73	Đỗ Văn Thuận	Nam	03.03.89	10	9	7	8
68	74	Nguyễn Hồng Thuý	Nữ	16.05.90	BL			7
69	75	Vũ Thị Thuý	Nữ	12.06.90	BL			8
70	76	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10.10.89	BL			6
71	77	Lê Thu Thuý	Nữ	22.07.90	BL			8
72	78	Vũ Thị Thu Thuý	Nữ	08-11-88	10	8	7	8
73	79	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01.01.91	BL			6.5
74	80	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	14.11.89	10	6	8	8
75	81	Phạm Thu Trang	Nữ	10-06-85	10	7	7	7
76	82	Đình Xuân Trọng	Nam	20.12.87	BL			6.5
77	83	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	09.08.90	BL			6.5
78	84	Nguyễn Hồng Yến	Nữ	21.05.90	BL			6.5
79	85	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	09-11-89	10	7	6	7
80	86	Trần Hải Yến	Nữ	01-11-81	10	8	8	8

Danh sách này có 80 sinh viên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

Người nhập điểm

Người kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG